# TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Khoa/Viện: **Xây dựng**

Bộ môn: **Cơ sở Xây dựng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. **Thông tin về học phần: THỰC TẬP CÔNG NHÂN**

Tên học phần:

* + Tiếng Việt: Thực tập Công nhân Xây dựng
	+ Tiếng Anh:

Mã học phần: CIE360 Số tín chỉ: 03 (0-3) Đào tạo trình độ: **Đại học, Cao đẳng**

Học phần tiên quyết: Vẽ xây dựng, Vật liệu xây dựng, Kỹ thuật thi công 1

# Thông tin về các giảng viên: *(2)*

Họ và tên: Trần Quốc Việt, Hồ Chí Hận Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên

Điện thoại: 0946224442; 0907523113 Email:viettq@ntu.edu.vn; hanhc@ntu.edu.vn

Địa chỉ trang web/nguồn dữ liệu internet của giảng viên *(nếu có)*: Không

Địa điểm, lịch tiếp SV: 8 giờ đến 11 giờ; 14h đến 17h từ thứ 2 đến thứ 6 tại PTN VLXD

1. **Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết về thi công và cung cấp một số kỹ năng nghề cơ bản trong xây dựng cho người học qua việc trực tiếp tham gia thực hành và rèn luyện các thao tác của công tác đất, công tác cốp pha, công tác cốt thép và công tác bê tông.

1. **Mục tiêu:**

Giúp SV làm quen với điều kiện làm việc thực tế, vận dụng kiến thức lý thuyết để trực tiếp tham gia thi công các loại công tác trong xây dựng theo cá nhân và tổ chức thực hiện công việc theo tổ/ nhóm công tác.

1. **Kết quả học tập mong đợi (KQHT):** Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

a) Thi công một số công tác chính của nghề xây dựng: Công tác cốp pha, cốt thép, công tác xây, công tác bê tông.

b) Sử dụng thành thạo các loại máy xây dựng cầm tay: Cắt, hàn, khoan…. và các máy thi công tại chỗ: Máy trộn bê tông, uốn và cắt thép…

c) Đánh giá được chất lượng của từng công tác theo tiêu chuẩn thi công, giám sát và nghiệm thu.

d) Tự viết và trình bày các loại báo cáo, nhật ký thi công công trình.

e) Hiểu và vận dụng kiến thức lý thuyết để tổ chức thi công thực tế hiện trường theo tổ/ nhóm.

f) Nắm vững và vận dụng các quy định về an toàn lao động khi thực hiện thao tác.

# Kế hoạch dạy học: *(3)*

**6.2 Thực hành: Tổng 90 giờ thực hiện (45 tiết x 2 = 90 giờ KH)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Bài (Chủ đề)* | *Nhằm đạt KQHT* | *Giờ TH* | *Phương pháp**Dạy – Học* | *Chuẩn bị của người học* |
| **1** | **Nghề nề*** 1. Quy định chung
	2. Công tác chuẩn bị:
* Mặt bằng;
* Vật liệu;
	1. Thi công:
* Các yêu cầu khi thi công;
* Xây tường;
* Xây móng đá.
* Thi công trát
	1. Kiểm tra và nghiệm thu:
* Các yêu cầu và tiêu chuẩn phục vụ công tác nghiệm thu;
* Các bước tiến hành;
* Các văn bản cần có khi nghiệm thu
 | a,b,ca,b,c,ed | 22162 | Thực tập theo nhóm: * Lên kế hoạch về phương pháp thi công, công tác chuẩn bị;
* Chuẩn bị dụng cụ, vật tư;
* Trực tiếp thi công;
* Tự kiểm tra và nghiệm thu dưới sự hướng dẫn của GV.
 | * Đọc tài liệu;
* Nắm được các quy định chung;
* Dụng cụ thi công;
* Sử dụng đồ bảo hộ lao động tại công trường
 |
| **2** | **Nghề cốp pha**2.1 Quy định chung2.2 Lắp dựng cốp pha:- Yêu cầu chung;- Lắp dựng cốp pha dầm, sàn (giàn giáo/chống đơn);- Lắp dựng cốp pha cột;- Lắp dựng cốp pha móng.2.3 Kiểm tra, nghiệm thu và tháo dỡ- Các yêu cầu, tiêu chuẩn khi nghiệm thu- Đánh giá, kiểm tra;- Tháo dỡ. | a,ba,e,f | 168 | Thực tập theo nhóm: * Lên kế hoạch về phương pháp thi công, công tác chuẩn bị;
* Chuẩn bị dụng cụ, vật tư;
* Quan sát người hướng dẫn làm mẫu;
* Trực tiếp thi công;
* Tự kiểm tra và nghiệm thu dưới sự hướng dẫn của GV.
 | * Đọc tài liệu;
* Nắm được các quy định chung;
* Dụng cụ thi công;
* Sử dụng đồ bảo hộ lao động tại công trường.
 |
| **3** | **Nghề cốt thép**3.1. Quy định chung3.2. Gia công cốt thép:- Cắt và uốn cốt thép- Hàn cốt thép;- Nối buộc cốt thép;3.3. Vận chuyển và lắp dựng cốt thép:- Yêu cầu chung;- Lắp dựng thép dầm, cột;- Lắp dựng thép sàn, móng;3.4. Kiểm tra và nghiệm thu:- Các yêu cầu, tiêu chuẩn khi nghiệm thu;- Trình tự và phương pháp kiểm tra;- Các giấy tờ có liên quan | a,ba,b,e,fa,b,e,fa,e | 62022 | Thực tập theo nhóm: * Lên kế hoạch về phương pháp thi công, công tác chuẩn bị;
* Chuẩn bị dụng cụ, vật tư;
* Quan sát người hướng dẫn làm mẫu;
* Trực tiếp thi công;
* Tự kiểm tra và nghiệm thu dưới sự hướng dẫn của GV.
 | * Đọc tài liệu;
* Nắm được các quy định chung;
* Dụng cụ thi công;
* Sử dụng đồ bảo hộ lao động tại công trường.
 |
| **4** | **Nghề bê tông**4.1. Quy định chung4.2 Vật liệu sản xuất bê tông4.3. Thi công bê tông:- Chế tạo hỗn hợp bê tông;- Vận chuyễn hỗn hợp bê tông;- Đổ và đầm bê tông;4.4 Bảo dưỡng bê tông:- Yêu cầu chung;- Bảo dưỡng ẩm bê tông;- Mạch ngừng thi công;4.5. Kiểm tra và nghiệm thu:- Các mẫu kiểm tra - Quy định về độ sụt;- Các yêu cầu, tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng bê tông;- Hồ sơ về công tác nghiệm thu; | a,c,ea,c,e,fa,b,c,ea,c | 24442 | Thực tập theo nhóm: * Lên kế hoạch về phương pháp thi công, công tác chuẩn bị;
* Chuẩn bị dụng cụ, vật tư;
* Quan sát người hướng dẫn làm mẫu;
* Trực tiếp thi công;
* Tự kiểm tra và nghiệm thu dưới sự hướng dẫn của GV.
 | * Đọc tài liệu;
* Nắm được các quy định chung;
* Dụng cụ thi công;
* Sử dụng đồ bảo hộ lao động tại công trường.
 |

1. **Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Tên tác giả* | *Tên tài liệu* | *Năm xuất bản* | *Nhà xuất bản* | *Địa chỉ khai thác tài liệu* | *Mục đích sử dụng* |
| *Tài liệu chính* | *Tham khảo* |
| 1 | Trần Bích Huyền | Giáo trình kỹ thuật thi công xây dựng và hoàn thiện nội thất kiến trúc công trình | 2005 | NXBHà Nội | Thư viện | X |  |
| 2 |  Vương KỳQuân |  Học nghề xây dựng | 2001 | NXBTrẻ | Thư viện |  | X |
| 3 | Tập thể tác giả trường Trung học Xây Dựngsố 2 | Giáo trình Kỹ thuật nề theo phương pháp modun | 2000 | NXBxây dựng | Hiệu sách ND | X |  |

1. **Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:** *(5)*
2. **Đánh giá kết quả học tập:** *(6)*
	1. **Đánh giá chuyền cần (dự kiến 20% điểm học phần):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tỷ lệ****(%)** | **Mức chất lượng** | **Điểm** |
| **Rất tốt** | **Tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| *Từ 9-10* | *Từ 7-8* | *Từ 5-6* | *Dưới 5* |
| Sự hiện diện trong hoạt động thực hành | **40** | Tham gia trên 90% số lượng buổi học  | Tham gia từ 70 đến dưới 90% số lượng buổi học  | Tham gia từ 50 đến dưới 60% số lượng buổi học  | Tham gia ít hơn 50% số lượng buổi học  |  |
| Sự tham gia làm việc theo nhóm, theo lớp | **60** | Tích cực tham gia làm việc nhóm, nhiệt tình trao đổi, chủ động trả lời nhiều câu hỏi  | Có đặt/trả lời câu hỏi  | Không chủ động, phải chỉ định trả lời, đóng góp  | Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu  |  |

**9.2. Đánh giá quá trình thực tập (dự kiến 30% điểm học phần):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tỷ lệ****(%)** | **Mức chất lượng** | **Điểm** |
| **Rất tốt**  | **Tốt**  | **Đạt yêu cầu** | **Không Đạt** |
| *Từ 9-10* | *Từ 7-8* | *Từ 5-6*  |  *Dưới 5* |
| Xây gạch | **10** | Hoàn thành trên 90% khối lượng. Khối xây đẹp, thẳng hàng. Đạt ít nhất 8/9 tiêu chí nghiệm thu công tác xây gạch. | Đạt 70 – dưới 90% khối lượng. Khối xây tương đối đẹp,thẳng. Đạt từ 6 đến 7/9 tiêu chí nghiệm thu công tác xây gạch. | Từ 50 đến <70% khối lượng. Xây tường bị một số lỗi, chưa thẳng hàng. Đạt từ 4 đến 5 tiêu chí nghiệm thu công tác xây gạch. | Hoàn thành <50% khối lượng. Khối xây chưa đạt (chỉ đạt < 4 tiêu chí nghiệm thu công tác xây gạch) |  |
| Xây đá | **10** | Hoàn thành trên 90% khối lượng. Khối xây đẹp, thẳng hàng. Đạt ít nhất 8/9 tiêu chí nghiệm thu công tác xây đá. | Đạt 70 – dưới 90% khối lượng. Khối xây tương đối đẹp,thẳng. Đạt từ 6 đến 7/9 tiêu chí nghiệm thu công tác xây đá. | Từ 50 đến <70% khối lượng. Xây tường bị một số lỗi, chưa thẳng hàng. Đạt từ 4 đến 5/9 tiêu chí nghiệm thu công tác xây đá. | Hoàn thành <50% khối lượng. Khối xây chưa đạt (chỉ đạt < 4 tiêu chí nghiệm thu công tác xây đá) |  |
| Cốp pha dầm sàn – hệ dàn giáo | **15** | Hoàn thành > 90% khối lượng. Cốp pha đảm bảo >10/12 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu | Hoàn thành từ 70 - 90% khối lượng. Cốp pha đảm bảo 8-10 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu. | Hoàn thành từ 50 - 70% khối lượng. Cốp pha đảm bảo 5-7 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu. | Hoàn thành từ <50% khối lượng. Cốp pha đảm bảo < 5 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu. |  |
| Cốp pha dầm sàn – hệ cây chống đơn | **15** | Hoàn thành >90% khối lượng.Cốp pha đảm bảo >10/12 tiêu chí của công tác nghiệm thu cốp pha, đà giáo. | Hoàn thành từ 70 - 90% khối lượng.Cốp pha đảm bảo 8-10 tiêu chí của công tác nghiệm thu cốp pha, đà giáo. | Hoàn thành từ 50 - 70% khối lượng.Cốp pha đảm bảo 5-7 tiêu chí của công tác nghiệm thu cốp pha, đà giáo. | Hoàn thành từ <50% khối lượng.Cốp pha đảm bảo < 5 tiêu chí của công tác nghiệm thu cốp pha, đà giáo. |  |
| Cốp pha cột, móng | **10** | Hoàn thành >90% khối lượng.Cốp pha đảm bảo >10/12 tiêu chí của công tác nghiệm thu cốp pha, đà giáo. | Hoàn thành từ 70 - 90% khối lượng.Cốp pha đảm bảo 8-10 tiêu chí của công tác nghiệm thu cốp pha, đà giáo. | Hoàn thành từ 50 - 70% khối lượng.Cốp pha đảm bảo 5-7 tiêu chí của công tác nghiệm thu cốp pha, đà giáo. | Hoàn thành từ <50% khối lượng.Cốp pha đảm bảo < 5 tiêu chí của công tác nghiệm thu cốp pha, đà giáo. |  |
| Gia công thép | **10** | Hoàn thành >90% khối lượng. Đạt 6/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác gia công cốt thép | Hoàn thành 70 - 90% khối lượng. Đạt 5/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác gia công cốt thép | Hoàn thành 50 - 70% khối lượng. Đạt 4/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác gia công cốt thép | Hoàn thành <50% khối lượng. Đạt 3/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác gia công cốt thép. |  |
| Lắp dựng thép dầm, cột | **10** | Hoàn thành >90% khối lượng. Đạt 6/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác lắp dựng cốt thép | Hoàn thành 70 - 90% khối lượng. Đạt 5/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác lắp dựng cốt thép | Hoàn thành 50 - 70% khối lượng. Đạt 4/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác lắp dựng cốt thép | Hoàn thành <50% khối lượng. Đạt 3/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác lắp dựng cốt thép. |  |
| Lắp dựng thép sàn, móng | **10** | Hoàn thành >90% khối lượng. Đạt 6/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác gia công cốt thép | Hoàn thành 70 - 90% khối lượng. Đạt 5/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác gia công cốt thép | Hoàn thành 50 - 70% khối lượng. Đạt 4/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác gia công cốt thép | Hoàn thành <50% khối lượng. Đạt 3/6 tiêu chí yêu cầu nghiệm thu công tác gia công cốt thép. |  |
| Bê tông | **10** | Hoàn thành > 90% khối lượng. Sản phẩm bê tông đạt 5/5 tiêu chí nghiệm thu công tác bê tông. | Hoàn thành > 80% đến dưới 90% khối lượng. Sản phẩm bê tông đạt 4/5 tiêu chí nghiệm thu công tác bê tông. | Hoàn thành > 70% đến dưới 80% khối lượng. Sản phẩm bê tông đạt 3/5 tiêu chí nghiệm thu công tác bê tông. | Hoàn thành < 70% khối lượng. Sản phẩm bê tông đạt < 3 tiêu chí nghiệm thu công tác bê tông. |  |

**9.3. Đánh giá cuối kỳ (dự kiến 50% điểm học phần)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tỷ lệ****(%)** | **Mức chất lượng** | **Điểm** |
| **Rất tốt**  | **Tốt**  | **Đạt yêu cầu**  | **Không đạt** |
| *Từ 9-10* | *Từ 7-8* | *Từ 5-6*  |  *Dưới 5* |
| Hình thức báo cáo | **15** | Đẹp, rõ, không lỗi chính tả | Đẹp, rõ, còn lỗi chính tả | Rõ, còn lỗi chính tả | Đơn điệu, chữ nhỏ, còn lỗi chính tả |   |
| Nội dung báo cáo | **15** | Đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng, có trích nguồn | Đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng | Đáp ứng đầy đủ yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |   |
| Trả lời câu hỏi | **20** | Trả lời đúng tất cả câu hỏi | Trả lời đúng trên 2/3 câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 câu hỏi | Trả lời đúng dưới 1/2 câu hỏi |   |
| Kỹ năng thực hành | **30** | Thao tác chính xác, an toàn, đúng thời gian quy định. | Thao tác tương đối chính xác, tuân thủ nội quy an toàn, không quá 15% thời gian quy định | Thao tác tương đối chính xác,tuân thủ nội quy an toàn, không quá 20% thời gian quy định. | Thao tác không chính xác, không tuân thủ nội quy an toàn, vượt quá 30% thời gian quy định |   |
| Sản phẩm | **20** | Đạt > 90% tiêu chí (tùy công tác) | Đạt 70 - 90% tiêu chí (tùy công tác) | Đạt 50 - 70% tiêu chí (tùy công tác) | Đạt <50% tiêu chí (tùy công tác) |  |

**TRƯỞNG BỘ MÔN (CÁC) GIẢNG VIÊN**

 *(Ký và ghi họ tên) (Ký và ghi họ tên)*

# GHI CHÚ: Cách trình bày một số nội dung của Đề cương chi tiết học phần

(Lưu ý: Lược bỏ phần Ghi chú này và các con số chỉ nội dung ghi chú trên các trang 1, 2 trước khi in hoặc công bố)

1. Lấy từ Đề cương học phần (ĐCHP).
2. Nếu có nhiều giảng viên cùng dạy (kể cả trợ giảng và giảng viên hướng dẫn thực hành) thì liệt kê đầy đủ các thông tin trên cho từng giảng viên.
3. STT, Chương/Chủ đề, Nhằm đạt KQHT, Số tiết: lấy từ ĐCHP.

Phần Phương pháp dạy-học: Ghi phương pháp được sử dụng. (VD: Thuyết giảng, Thảo luận nhóm, Semina SV, Tìm hiểu thực tế, …)

Phần Chuẩn bị của người học: cho biết SV cần đọc trước tài liệu nào, số trang/chương/mục và các nội dung chuẩn bị khác.

1. Lấy từ ĐCHP và có thể đưa thêm các tài liệu mới hoặc thay bằng tài liệu cập nhật hơn nếu cần thiết.
2. Các yêu cầu của giảng viên đối với SV về hoạt động lên lớp, đọc tài liệu, làm bài tập, thực hành, tiểu luận, xử lý khi vi phạm, kiểm tra – thi và các hoạt động khác… Các yêu cầu được xây dựng dựa trên các quy định về đào tạo của trường và những đòi hỏi riêng của học phần.
3. Lịch kiểm tra giữa kỳ do (nhóm) GV dạy HP dự kiến. Thang điểm HP dựa trên ĐCHP.

**Lưu ý chung:**

* + Các học phần Thực hành độc lập cũng phải có Đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) riêng.
	+ Những nội dung “lấy từ ĐCHP” cần được ghi lại trong ĐCCTHP để SV tiện tham khảo.
	+ ĐCCTHP cần được Trưởng bộ môn phê duyệt (lưu bản cứng tại bộ môn) và đưa file lên trang web bộ môn.
	+ ĐCCTHP cần được (nhóm) GV dạy HP rà soát, cập nhật hàng năm khi có sự điều chỉnh về các nội dung liên quan hoặc khi ĐCHP được điều chỉnh.